

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : LAPONITE-7007

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Rheology Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK Additives Ltd.

Địa chỉ : Moorfield Road
WA8 3AA Widnes

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

Vật liệu có thể trơn khi ướt.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Bản chất hóa học : Phyllosilicate

Thành phần nguy hiểm

Không có thành phần nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa sạch bằng xà bông và nước.
Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : dài.
Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Bọt
Carbon diôxit (CO₂)
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tránh tạo ra bụi.
- Các cảnh báo về môi trường : Cố gắng phòng tránh các vật liệu đi vào đường ống hoặc đường nước.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Trung hoà bằng axit.
Thu gom và tiêu huỷ mà không tạo ra bụi bẩn.
Quét và dọn sạch bằng xẻng.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu huỷ.
- Sử dụng máy hút bụi công nghiệp đủ tiêu chuẩn để loại bỏ.
Lọc bụi không khí hiệu ứng cao (Bộ lọc HEPA)

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng : Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

dụng khi bảo quản : theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
Các chất cần tránh bảo quản : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.
chung

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.
Bộ lọc loại : Bộ lọc loại P
Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.
- Bảo vệ tay
- Ghi chú : Dùng kem bảo vệ da trước khi thao tác với sản phẩm. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.
Mang găng tay thích hợp.
- Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ
Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
- Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ
Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm.
- Các biện pháp vệ sinh : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : bột
Màu sắc : màu trắng nhạt
Mùi đặc trưng : không mùi
Độ pH : 10,2
Nồng độ: 20 g/l
- Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : Không áp dụng được
Điểm sôi/khoảng sôi : Không áp dụng được
Điểm cháy : Không áp dụng được
- Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không cháy.
Áp suất hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Khối lượng riêng : 2,5 g/cm³ (20 °C)
- Mật độ lớn : 1.000 kg/m³
Nhiệt độ tự cháy : chưa có dữ liệu
- Nhiệt độ phân hủy : chưa có dữ liệu
- Độ nhớt

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Độ nhớt, động lực : Không áp dụng được

Độ nhớt, động học : Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm : Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.
Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.
Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.

Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích : Các axit mạnh và các chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Được biết là chưa xảy ra.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD0 (Chuột, con cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420
GLP: có

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 200 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 60 min
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
GLP: có

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: estimated
GLP: có

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Loài: Thỏ
Phương pháp: Thử nghiệm Draize
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: không

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Loài: Bovine corneal opacity and permeability assay (BCOP)

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Kết quả: Không gây kích ứng mắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 437
GLP: có

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt
GLP: không

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)
Đường tiếp xúc: Da
Loài: Chuột nhắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả: Không gây kích ứng da.
GLP: có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
GLP: có

: Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống thí nghiệm
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
GLP: có

: Loại kiểm nghiệm: In vitro mammalian cell gene mutation test (mouse lymphoma)
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
GLP: có

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Các thử nghiệm trong ống thí nghiệm không cho thấy các tác nhân gây đột biến.

STOT - Tiếp xúc một lần**Sản phẩm:**

Đánh giá: Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

STOT - Tiếp xúc lặp lại**Sản phẩm:**

Đánh giá: Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Lượng độc lặp lại**Sản phẩm:**

Loài: Chuột, Đực và cái
NOAEL: 50 mg/kg
LOAEL: 500 mg/kg
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
GLP: không
Các cơ quan đích: Hệ dạ dày- ruột

Thông tin khác**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Độc đối với tảo : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có

Độc tính đối với vi khuẩn : EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
GLP: có

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Phương thức xác định khả năng phân hủy sinh học không áp dụng được cho các chất vô cơ

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ

LAPONITE-7007

Mã sản phẩm: 00000000000121748

Phiên bản 1.4 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/03/16

Ngày in 2026/03/18

chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.